

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI L
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2020

V/v tranh chồng gáp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI L, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- CHỦ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Nam Phước

2. Ông Nguyễn Đình Bân

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại L tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Thu, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chồng gáp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐHPT ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Hà Dục Đông, Đại L, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trương Q (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hà Dục Đông, Đại L, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 5 năm 2020 và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị P và ông Trương Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đại L, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam.

Bà P và ông Q chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q ghen tuông, nghe lời người khác về đánh đập bà. Bà P và ông Q sống ly thân nhau năm 2019 đến nay.

Nay bà P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết chồng bà được ly hôn với ông Q.

Tại bản tự khai của ông Trương Q (bị đơn) ngày 07/5/2020 đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 07 tháng 5 năm 2020, ông Q khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà P có quan hệ ngoại tình nên trong cuộc sống chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nhưng theo ông hiện nay tình cảm vợ chồng ông vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Bà P và ông Q thống nhất khai vợ chồng có 03 con chung:

1/ Trương Thị H, sinh ngày 26/8/2001.

2/ Trương Thị Kiều Tr, sinh ngày 01/10/2004

3/ Trương Quốc L, sinh ngày 19/7/2011

Nay ly hôn bà P và ông Q thống nhất thỏa thuận bà P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr. Ông Q được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Bà P, ông Q không ai yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng nuôi con chung của bà P, ông Q phù hợp với nguyện vọng của các cháu Tr, L. Đối với cháu Trương Thị H đã trưởng thành nên ông Q, bà P không yêu cầu Tòa xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông Q thống nhất khai không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại L phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông Trương Q tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P và ông Q đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chồng chấp nhận yêu cầu của bà P, xử chồng bà P được ly hôn với ông Q

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chồng chấp nhận nguyện vọng con chung của bà P và ông Q theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Bà P và ông Q thỏa thuận tự giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Tại hồ sơ vụ án Ông Trương Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

**Về nội dung:*

1. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Q là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng bà P vẫn kiên quyết ly hôn. Bà P và ông Q ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2. *Về con chung*: Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà P và ông Q là phù hợp với quy định pháp luật, HĐXX nghĩ nên chấp nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P và ông Q không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

4. *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Trương Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trương Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Kiều Tr, sinh ngày 01/10/2004 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Giao cháu Trương Quốc L, sinh ngày 19/7/2011 2004 cho ông Trương Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Bà P không yêu cầu ông Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Q, bà P có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chồnggừa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chồnggung và nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003604 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại L.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày niêm yết bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Các đương sự;
- UBND xã Lãnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phụng

